TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60**/2022/DS-ST
Ngày: 15/9/2022
V/v: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khương

Bà Nguyễn Hải Anh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà*:** Ông Lâm Sển, kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2022/TLST - DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST - DS ngày 08/8/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Nhựt Ph, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp PL, xã MTB, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ph: Anh Chiêm Thành L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp AK, xã MH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (*Có mặt*).

* *Bị đơn*: Ông Hà Minh T, sinh năm 1973 và bà Lâm Mỹ L1, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp PL, xã MTB, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn, tại phiên tòa anh Chiêm Thành L (đại diện nguyên đơn)*

yêu cầu như sau: Vào ngày 17/4/2021 (*nhằm ngày 06/3/2021 âm lịch*), vợ chồng bà Lâm Mỹ L1 và ông Hà Minh T có vay của bà Nguyễn Nhựt Ph số tiền gốc là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), bà L1 và ông T có viết biên nhận nợ cho bà Ph và cam kết trong thời gian 03 tháng (*đến ngày 06/6/2021 âm lịch*) sẽ trả cho bà Ph toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi.

Nhưng đến ngày hẹn trả nợ, bà Ph đến nhà bà L1 và ông T thì ông bà chỉ trả cho bà Ph được số tiền gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), không có trả tiền lãi. Sau đó, bà Ph nhiều lần đến nhà bà L1 và ông T để đòi số nợ còn lại nhưng bà L1 và ông T luôn chốn tránh, cho đến nay ông bà không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi cho bà Ph.

Do đó, bà Ph khởi kiện và yêu cầu bà L1 và ông T trả cho bà Ph 01 lần số tiền vay gốc còn nợ là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) và trả tiền lãi theo quy định từ ngày 17/4/2021 (*nhằm ngày 06/3/2021 âm lịch*) cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa, anh L yêu cầu bà L1 và ông T trả cho bà Ph 01 lần số tiền vay gốc còn nợ là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định 20%/năm từ ngày 17/4/2021 (*nhằm ngày 06/3/2021 âm lịch*) cho đến ngày 15/9/2022, đồng ý tính tròn 16 tháng tiền lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hà Minh T và bà Lâm Mỹ L1 trình bày và yêu cầu như sau*: Ông bà xác nhận, ông bà có hỏi vay của bà Ph 03 lần với tổng số tiền gốc là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) và hiện nay ông bà còn nợ bà Ph số tiền gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) là đúng. Đối với phần lãi suất thì khi vay giữa ông bà và bà Ph có thỏa thuận lãi suất mỗi tháng trên tổng số tiền gốc là 28.000.000 đồng. Sau khi vay, ông bà có trả cho bà Ph được 05 tháng tiền lãi thì ngưng không trả lãi nữa. Việc trả lãi không có làm biên nhận hay giấy tờ gì khác để ông bà chứng minh.

Do công việc làm ăn của ông bà hiện nay gặp nhiều khó khăn nên ông bà xin trả dần cho bà Ph mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi hết số nợ gốc 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*). Đối với phần tiền lãi, ông bà xin không trả cho bà Ph do hiện nay ông bà không có khả năng trả thêm phần tiền lãi cho bà Ph.

Tại phiên tòa, ông bà đồng ý trả cho bà Ph số tiền gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) và đồng ý trả tiền lãi tính từ ngày 17/4/2021 (*nhằm ngày 06/3/2021 âm lịch*) đến nay theo yêu cầu của bà Ph. Nhưng hiện nay,

hoàn cảnh rất khó khăn nên ông bà xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi hết nợ. Thời gian bắt đầu trả là cuối tháng 10/2022.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (*gọi tắt là BLDS 2015*), đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc, tiền lãi như yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (*gọi tắt là HĐXX*) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Nhựt Ph khởi kiện yêu cầu ông Hà Minh T và bà Lâm Mỹ L1 trả cho bà Ph số tiền vay gốc và tiền lãi còn nợ nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*". Đồng thời, tại thời điểm bà Ph khởi kiện, ông T và bà L1 có nơi cư trú tại ấp PL, xã MTB, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* Vào ngày 17/4/2021 (*nhằm ngày 06/3/2021 âm lịch*), vợ chồng bà Lâm Mỹ L1 và ông Hà Minh T có vay của bà Nguyễn Nhựt Ph số tiền gốc là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), bà L1 và ông T có viết biên nhận nợ cho bà Ph và cam kết trong thời gian 03 tháng (*đến ngày 06/6/2021 âm lịch*) sẽ trả cho bà Ph toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi.

Khi đến hẹn, bà L1 và ông T chỉ trả được cho bà Ph số tiền gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), còn nợ là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) và trả tiền lãi thì đến nay bà L1 và ông T vẫn chưa trả nên bà Ph khởi kiện.

2.1 Xét yêu cầu của bà Ph về việc yêu cầu ông T và bà L1 trả số tiền gốc còn nợ là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi từ ngày 17/4/2021 (*nhằm ngày 06/3/2021 âm lịch*) cho đến khi kết thúc vụ án.

HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và qua lời trình bày của phía bà Ph được ông T và bà L1 xác nhận sự việc là ông bà có vay tiền của bà Ph và hiện nay còn nợ bà Ph số tiền gốc 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*). Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên bà Ph không phải chứng minh và xét thấy yêu cầu này của bà Ph là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463 BLDS 2015 nên HĐXX chấp nhận.

2.2 Đối với phần lãi suất, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác nhận, khi giao dịch giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất cho vay 28.000.000 đồng/400.000.000 đồng/tháng là cao hơn so với quy định. Nhưng khi khởi kiện bà Ph yêu cầu bà L1, ông T trả lãi suất theo quy định là 20%/năm. HĐXX xét thấy, việc bà Ph yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 và tại phiên tòa ông T, bà L1 cũng đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà Ph từ ngày 17/4/2021 đến ngày 15/9/2022. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà Ph và lãi suất được tính như sau: Từ ngày 17/4/2021 đến ngày 15/9/2022 được tính tròn 16 tháng: [(380.000.000 đồng x 1.66%/tháng) x 16 tháng] = 100.928.000 đồng (*Một trăm triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

2.3 Xét lời khai nại của bà L1 và ông T, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L1 và ông T cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên ông bà xin trả dần cho bà Ph số tiền gốc mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), bắt đầu trả từ cuối tháng 10/2022 cho đến khi hết nợ. HĐXX xét thấy, cách thức và thời gian trả dần số nợ của bà L1 và ông T là kéo dài thêm thời gian, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Ph. Tại phiên tòa, phía bà Ph cũng không đồng ý theo cách trả dần số nợ của bà L1 và ông T. Đồng thời, Tòa án không ấn định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên yêu cầu này của bà L1 và ông T là không có cơ sở để HĐXX xem xét.

Từ những cơ sở nêu trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ph và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Buộc bà L1 và ông T có nghĩa vụ trả cho bà Ph số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 15/9/2022 với tổng số tiền là 480.928.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng)* khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:

- Bà L1 và ông T phải chịu án phí trên số tiền trả cho bà Ph [480.928.000 đồng = 20.000.000 đồng + (80.928.000 đồng x 4%)] là 23.237.120 đồng (*Hai mươi ba triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi đồng*).

- Yêu cầu của bà Ph được chấp nhận nên hoàn trả lại cho bà Ph số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Lâm Mỹ L1 và ông Hà Minh T trả cho bà Nguyễn Nhựt Ph tổng số tiền **480.928.000 đồng** *(Bốn trăm tám mươi triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng)*. Trong đó, tiền gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi đến ngày 15/9/2022 là 100.928.000 đồng *(Một trăm triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bà L1 và ông T không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng bà L1 và ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Lâm Mỹ L1 và ông Hà Minh T phải chịu án phí số tiền là 23.237.120 đồng (*Hai mươi ba triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi đồng*).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Nhựt Ph số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 9.500.000 đồng (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0009477 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*Ngày 15/9/2022*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành;
- THAND H. Châu Thành;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình